

Số: 01/2018/QĐST-DS

Ứng Hoà, ngày 16 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2018,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP AB.** Trụ sở: Số 170, HBT, phường ĐK, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP AB.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Quang C - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP AB. *(Theo giấy ủy quyền số 08/UQ-HĐQT.15 ngày 10/7/2015, Giấy ủy quyền số 241/UQ-TGD.17 ngày 06/6/2017, giấy ủy quyền số 28/UQ-HĐQT.18 ngày 04/5/2018 và giấy ủy quyền số 574-2/UQ-TGD.18 ngày 21/5/2018).*

*** Bị đơn đồng thời là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979

Chị **Khâu Thị Thu H**, sinh năm 1980

Đều có nơi ĐKKTT: phố NTH, thị trấn VĐ, huyện ỦI, thành phố Hà Nội.

(anh T uỷ quyền cho chị H tham gia tố tụng tại Toà án)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H xác nhận có ký kết 03 hợp đồng tín dụng vay vốn Ngân hàng TMCP AB, cụ thể như sau: ngày 15/12/2015 ký kết 02 hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 6053/15/TD-TT/II.5 vay số tiền 2.000.000.000đồng; mục đích vay: Sửa chữa nhà xưởng sản xuất khăn mặt và Hợp đồng số 6054/15/TD-TT/II.5 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, theo đó ngày 16/12/2015 vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H đã nhận giải ngân từ Ngân hàng TMCP AB tổng số tiền 3.000.000đồng như đã nêu trên theo giấy nhận nợ số 01 và 02; ngày 31/12/2015 ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn theo món số 6602/15/TD-TT/II.5 vay số tiền 800.000.000đồng, theo đó, cùng ngày vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H đã nhận nợ giải ngân từ Ngân hàng TMCP AB số tiền 800.000.000đồng nêu trên theo giấy nhận nợ số 03; Như vậy, vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H vay vốn của Ngân hàng TMCP AB tổng số tiền đã giải ngân là 3.800.000.000đồng. Ngoài ra trong các Hợp đồng tín dụng và các vay nhận nợ đều có các thỏa thuận khác như thời hạn vay, lãi suất, thay đổi lãi suất, tài sản bảo đảm và các thỏa thuận khác. Vợ chồng anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng TMCP AB với số tiền tính đến ngày 05/7/2018 nh- sau:

+ Nợ gốc: 3.622.104.849 đồng
+ Nợ lãi trong hạn: 530.164.095 đồng
+ Nợ lãi quá hạn: 266.418.249đồng.

Tổng cộng: **4.418.687.193** đồng (*Bốn tỷ bốn trăm mười tám triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn một trăm chín mươi ba đồng*).

2.2 Các bên thoả thuận về thời hạn ph- ơng thức thanh toán nh- sau:

+ Chậm nhất đến hết ngày 30/10/2018 anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP AB tổng số tiền 4.418.687.193 đồng (lãi tính đến ngày 05/7/2018) và tiền lãi phát sinh, cụ thể theo 03 đợt như sau:

Đợt 1: Chậm nhất đến hết ngày 30/8/2018 anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP AB số tiền 1.000.000.000đồng;

Đợt 2: Chậm nhất đến hết ngày 30/9/2018 anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP AB số tiền 1.500.000.000đồng;

Đợt 3: Chậm nhất đến hết ngày 30/10/2018 anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP AB số tiền nợ còn lại là 1.918.687.193 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số đã ký kết, cụ thể Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 6053/15/TD-TT/II.5, hợp đồng tín dụng

số 6054/15/TD-TT/II.5 đều ngày 15/12/2015, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 6602/15/TD-TT/II.5 ngày 31/12/2015 và các khế ước nhận nợ số 01, 02 đều ngày 16/12/2015 và khế ước nhận nợ số 03 ngày 31/12/2015 đã ký kết kể từ ngày 06/7/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP AB.

+ Toàn bộ số tiền khi anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H thanh toán, Ngân hàng TMCP AB thu sẽ được trừ vào số tiền nợ gốc tr- ớc.

+ Trường hợp anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H trả nợ theo đúng thỏa thuận nêu trên và có đơn đề nghị thì Ngân hàng TMCP AB sẽ xem xét miễn, giảm một phần tiền nợ lãi cho anh Nguyễn Văn T, chị Khâu Thị Thu H.

*** Về lãi suất:**

+ Kể từ ngày 06/7/2018 bị đơn tiếp tục phải chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP AB) trên số d- nợ gốc t- ong ứng với thời gian chậm trả.

Nếu bị đơn vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào như đã nêu trên (về thời gian và số tiền trả) thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP AB, cụ thể: Quyền sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ số 01, diện tích là 74m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thị trấn VD, huyện ÚH, TP. Hà Nội, GCNQSD đất số AL 434353; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H 1365/UH do UBND huyện ÚH cấp ngày 11/7/2008 cho ông Trần Tiến M, được chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T ngày 08/5/2014 và Quyền sử dụng thửa đất số 1101, tờ bản đồ số 12, diện tích là 90m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thị trấn VD, huyện ÚH, TP. Hà Nội, GCNQSD đất số BI 752627; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH 02454 do UBND huyện ÚH cấp ngày 27/3/2013 cho bà Khâu Thị Thu H; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 6344.2015/HĐTC, quyển số 04.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2015 của Phòng Công chứng số 3, thành phố Hà Nội, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 15/12/2015. Sau đó 31/12/2015 vợ chồng ông bà Tuấn H và Ngân hàng ký 01 Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 6663.2015/HĐTCSĐ, quyển số 04.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2015.

Tr- ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả Ngân hàng TMCP AB cho đến khi thanh toán hết toàn bộ

khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.104.500đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 56.209.000đồng (*Năm mươi sáu triệu hai trăm linh chín nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả lại cho Ngân hàng th-ong mại cổ phần AB 55.106.000đ (*năm mươi lăm triệu một trăm nghìn sáu nghìn đồng chẵn*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008506 ngày 08 tháng 1 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện □H.

3. Tr-ởng hợp quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □H;
- Chi cục T.H.A DS huyện □H;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thiện